

BỘ QUỐC PHÒNG**BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 124/2015/TT-BQP

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế
đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội
bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp***Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;**Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị,**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong Quân đội có sử dụng lao động (sau đây gọi chung là người sử dụng lao động).

2. Quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng (kể cả người học nghề, tập nghề, thử việc) thuộc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây gọi chung là người lao động).

3. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp người lao động quy định tại Khoản 2 Điều này bị thương, hy sinh được công nhận là thương binh, liệt sĩ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tai nạn lao động: Là tai nạn xảy ra do tác động bởi các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong lao động hoặc gắn với quá trình lao động, gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động, làm suy giảm khả năng lao động hoặc gây tử vong trong huấn luyện, công tác, học tập, lao động, sản xuất hoặc các hoạt động gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ, tai nạn xảy ra trong thời gian nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh, chuẩn bị và kết thúc công việc tại nơi làm việc hoặc tai nạn xảy ra tại địa điểm và thời gian hợp lý khi người lao động đi từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở (kể cả khi giải quyết các nhu cầu cần thiết trong thời gian làm việc theo quy định của Bộ luật lao động).

2. Bệnh nghề nghiệp: Là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động tới người lao động theo danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).

Điều 4. Điều kiện, nguyên tắc, mức bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Điều kiện người lao động được bồi thường

a) Người lao động bị tai nạn lao động làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

b) Người lao động bị bệnh nghề nghiệp theo kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa hoặc của cơ quan pháp y có thẩm quyền, được bồi thường trong các trường hợp sau:

- Bị chết do bệnh nghề nghiệp khi đang làm việc hoặc trước khi chuyển làm công việc khác, trước khi thôi việc, trước khi mất việc, trước khi nghỉ hưu;

- Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bệnh nghề nghiệp theo kết quả thực hiện khám giám định bệnh nghề nghiệp định kỳ (theo quy định của Bộ Y tế).

2. Nguyên tắc bồi thường

a) Việc bồi thường đối với người lao động bị tai nạn lao động được thực hiện từng lần. Tai nạn lao động xảy ra lần nào thực hiện bồi thường lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó;

b) Việc bồi thường đối với người lao động bị bệnh nghề nghiệp được thực hiện từng lần theo quy định sau:

- Lần thứ nhất căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động (tỷ lệ tổn thương cơ thể) trong lần khám đầu;

- Từ lần thứ hai trở đi căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động tăng lên để bồi thường phần chênh lệch mức (%) suy giảm khả năng lao động so với kết quả giám định lần trước liền kề.

3. Mức bồi thường

Mức bồi thường đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này được tính như sau:

a) Ít nhất bằng 30 tháng tiền lương đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động khi người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

b) Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% thì cứ tăng 1% sẽ được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương theo công thức dưới đây hoặc tra theo bảng tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này:

$$Tbt = 1,5 + \{(a - 10) \times 0,4\}$$

Trong đó:

- Tbt: Mức bồi thường cho người bị suy giảm khả năng lao động từ 11% trở lên (đơn vị tính: Tháng tiền lương);

- 1,5: Mức bồi thường khi suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%;

- a: Mức (%) suy giảm khả năng lao động của người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- 0,4: Hệ số bồi thường khi suy giảm khả năng lao động tăng 1%.

Ví dụ 1:

- Đồng chí Nguyễn Văn A bị bệnh nghề nghiệp, giám định sức khỏe lần thứ nhất xác định mức suy giảm khả năng lao động là 15%. Mức bồi thường lần thứ nhất cho đồng chí A tính như sau:

$$Tbt = 1,5 + \{(15 - 10) \times 0,4\} = 3,5 \text{ (tháng tiền lương).}$$

- Định kỳ, đồng chí A giám định sức khỏe lần thứ hai, mức suy giảm khả năng lao động được xác định là 35% (mức suy giảm khả năng lao động đã tăng hơn so với lần thứ nhất là 20%). Mức bồi thường lần thứ hai cho đồng chí Nguyễn Văn A là:

$$Tbt = 20 \times 0,4 = 8,0 \text{ (tháng tiền lương).}$$

Điều 5. Điều kiện, nguyên tắc, mức trợ cấp tai nạn lao động

1. Điều kiện người lao động được trợ cấp

Người lao động bị tai nạn lao động làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết trong các trường hợp sau thì được trợ cấp:

a) Tai nạn lao động mà nguyên nhân xảy ra tai nạn hoàn toàn do lỗi của chính người lao động theo kết luận trong biên bản điều tra tai nạn lao động;

b) Tai nạn xảy ra đối với người lao động khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở tại địa điểm và thời gian hợp lý (căn cứ hồ sơ giải quyết vụ tai nạn của cơ quan công an hoặc cơ quan Điều tra hình sự Quân đội hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn).

2. Nguyên tắc trợ cấp

Việc trợ cấp được thực hiện từng lần; tai nạn lao động xảy ra lần nào thực hiện trợ cấp lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó.

3. Mức trợ cấp

a) Ít nhất bằng 12 tháng tiền lương đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động khi người lao động bị chết do tai nạn lao động;

b) Ít nhất bằng 0,6 tháng tiền lương đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% thì tra bảng theo mức bồi thường tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc tính theo công thức dưới đây:

$$Ttc = Tbt \times 0,4$$

Trong đó:

- Ttc: Mức trợ cấp cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính: Tháng tiền lương);
- Tbt: Mức bồi thường cho người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính: Tháng tiền lương).

Ví dụ 2:

- Đồng chí Trần Văn B bị tai nạn lao động lần thứ nhất do đồng chí B đã vi phạm quy định về an toàn lao động, không do lỗi của ai khác. Giám định sức khỏe xác định mức suy giảm khả năng lao động của đồng chí B là 15% do vụ tai nạn này. Mức trợ cấp lần thứ nhất cho đồng chí Trần Văn B là:

$$- Ttc = Tbt \times 0,4 = 3,5 \times 0,4 = 1,4 \text{ (tháng tiền lương).}$$

- Lần tiếp theo đồng chí B bị tai nạn khi đi từ nơi làm việc về nơi ở (được điều tra và xác định là thuộc trường hợp được trợ cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều này). Giám định sức khỏe xác định mức suy giảm khả năng lao động do lần tai nạn này là 20%, mức trợ cấp lần thứ hai cho đồng chí Trần Văn B là:

$$- Ttc = Tbt \times 0,4 = 5,5 \times 0,4 = 2,2 \text{ (tháng tiền lương).}$$

Điều 6. Bồi thường, trợ cấp trong những trường hợp đặc thù

1. Trường hợp người lao động bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ hoặc tuân theo sự điều hành hợp pháp của người sử dụng lao động ở ngoài phạm vi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nếu do lỗi của người khác (không phải là

bản thân người lao động bị tai nạn) gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn, thì người sử dụng lao động vẫn phải bồi thường cho người lao động theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Trường hợp người lao động bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở tại địa điểm và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác (không phải là bản thân người lao động bị tai nạn) gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn thì người sử dụng lao động vẫn phải trợ cấp cho người lao động theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Trường hợp người sử dụng lao động đã mua bảo hiểm tai nạn cho người bị tai nạn lao động tại các đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, thì người bị tai nạn lao động được hưởng các khoản chi trả bồi thường, trợ cấp theo hợp đồng đã ký với đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm. Nếu số tiền mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm trả cho người bị tai nạn lao động thấp hơn mức quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này, thì người sử dụng lao động phải trả phần còn thiếu để tổng số tiền người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân của người bị tai nạn lao động nhận được ít nhất bằng mức bồi thường, trợ cấp được quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Tiền lương làm căn cứ tính bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường hoặc trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương được tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi tai nạn lao động xảy ra hoặc trước khi bị bệnh nghề nghiệp. Nếu thời gian làm việc, học nghề, tập nghề, thử việc, tập sự không đủ 6 tháng thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp là tiền lương được tính bình quân của các tháng trước liền kề thời điểm xảy ra tai nạn lao động, thời điểm xác định bị bệnh nghề nghiệp.

2. Mức tiền lương tháng quy định tại Khoản 1 Điều này được xác định cụ thể đối với từng đối tượng như sau:

a) Đối với người lao động hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có);

b) Đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trên hợp đồng lao động, bao gồm cả tiền lương theo công việc, chức danh và phụ cấp lương (nếu có);

c) Đối với người lao động đang trong thời gian học nghề, tập nghề tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa có mức lương học nghề, tập nghề thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là mức

lương tối thiểu vùng do Chính phủ công bố tại địa điểm người lao động làm việc; trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có mức lương học nghề, tập nghề thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp cho người lao động đang trong thời gian học nghề, tập nghề là tiền lương học nghề, tập nghề do hai bên thỏa thuận;

d) Đối với người lao động đang trong thời gian thử việc, tập sự thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương thử việc do hai bên thỏa thuận theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật lao động hoặc tiền lương tập sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Đối với người lao động hưởng sinh hoạt phí hàng tháng, căn cứ để tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tính bằng 02 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động hoặc tại thời điểm được xác định bị bệnh nghề nghiệp.

Điều 8. Hồ sơ, quy trình và thời gian giải quyết chế độ bồi thường, trợ cấp

1. Hồ sơ

Hồ sơ được lập thành 03 bộ: Đơn vị sử dụng lao động giữ 01 bộ; người bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp (hoặc thân nhân của người lao động bị chết) giữ 01 bộ; gửi cơ quan chính sách đơn vị cấp trực thuộc Bộ 01 bộ để kiểm tra, quản lý hoặc trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thực hiện chế độ, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đối với người bị tai nạn lao động

- Biên bản điều tra tai nạn lao động của cấp trung đoàn (tương đương) trở lên.

- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động của Hội đồng giám định Y khoa có thẩm quyền theo Quyết định số 1636/QĐ-QP ngày 05 tháng 10 năm 1996 của Bộ Quốc phòng quy định việc giám định y khoa trong Quân đội.

- Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông (bản sao) đối với trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động.

- Giấy báo tử hoặc Giấy chứng tử đối với trường hợp bị chết hoặc tuyên bố chết của Tòa án đối với trường hợp mất tích.

- Quyết định bồi thường, trợ cấp theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.

b) Hồ sơ đối với người bị bệnh nghề nghiệp

- Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ; hồ sơ bệnh án và điều trị bệnh nghề nghiệp (nếu có); Biên bản xác định môi trường độc hại.

- Biên bản xác định người lao động bị chết do bệnh nghề nghiệp của cơ quan Pháp y hoặc Biên bản giám định xác định mức độ suy giảm khả năng lao động do bệnh nghề nghiệp của Hội đồng Giám định Y khoa có thẩm quyền theo Quyết định số 1636/QĐ-QP ngày 05 tháng 10 năm 1996 của Bộ Quốc phòng quy định việc giám định y khoa trong Quân đội.

- Giấy chứng nhận bị phơi nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp đối với trường hợp người lao động bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp (theo mẫu quy định tại Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp).

- Quyết định bồi thường của cấp có thẩm quyền theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này.

2. Quy trình lập hồ sơ, xét duyệt và ra quyết định thực hiện chế độ

a) Khi người lao động bị tai nạn lao động hoặc bị bệnh nghề nghiệp, Thủ trưởng cấp Trung đoàn (hoặc tương đương) trở lên hoặc Giám đốc doanh nghiệp lập Biên bản điều tra tai nạn lao động; lập và cung cấp các hồ sơ có liên quan; đồng thời lập hồ sơ, giới thiệu và tổ chức để người lao động đi giám định y khoa mức độ suy giảm khả năng lao động (lập hồ sơ đồng thời với hồ sơ giám định y khoa để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp), phối hợp với Hội đồng Giám định Y khoa có thẩm quyền để tổ chức giám định mức độ suy giảm khả năng lao động cho đối tượng; hoặc phối hợp với cơ quan Pháp y lập Biên bản người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

b) Thủ trưởng đơn vị cấp trực thuộc Bộ ra quyết định thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với đối tượng thuộc khối dự toán. Giám đốc doanh nghiệp hoặc Thủ trưởng đơn vị trực tiếp ra quyết định thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với đối tượng thuộc khối hạch toán.

3. Thời gian giải quyết chế độ

a) Quyết định bồi thường, trợ cấp của cấp có thẩm quyền theo quy định đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải được hoàn tất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản giám định của Hội đồng Giám định Y khoa hoặc cơ quan Pháp y đối với những vụ tai nạn lao động chết người;

b) Tiền bồi thường, trợ cấp phải được thanh toán một lần cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc thân nhân của họ trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày người sử dụng lao động ra quyết định bồi thường, trợ cấp.

Điều 9. Chi phí y tế

1. Đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc, người sử dụng lao động phải thanh toán chi phí y tế đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả từ sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định cho người lao động bị tai nạn lao động hoặc bị bệnh nghề nghiệp.

2. Khuyến khích người sử dụng lao động chi trả chi phí y tế cho những trường hợp người lao động bị tai nạn, bệnh tật khác có liên quan đến lao động.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Người sử dụng lao động tăng cường các biện pháp cải thiện điều kiện môi trường lao động, biện pháp phòng ngừa để hạn chế tối đa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thường xuyên chăm lo sức khỏe đối với người lao động; định kỳ tổ chức khám sức khỏe để phát hiện những trường hợp bị bệnh nghề nghiệp, kịp thời tổ chức điều trị; tổ chức giám định mức độ suy giảm khả năng lao động để thực hiện chế độ bồi thường theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Giám đốc các doanh nghiệp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện; ra quyết định thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho đối tượng thuộc quyền theo quy định.

3. Hội đồng giám định y khoa của Quân đội thực hiện giám định y khoa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 1636/QĐ-BQP ngày 05 tháng 10 năm 1996 của Bộ Quốc phòng; thực hiện cùng một lần khi giám định, giải quyết chế độ hưởng bảo hiểm xã hội; đồng thời cung cấp thêm 03 Biên bản giám định y khoa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp để thực hiện chế độ bồi thường hoặc trợ cấp.

4. Các mức bồi thường, trợ cấp quy định tại Thông tư này là mức tối thiểu, khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở mức cao hơn mức quy định tại Thông tư này.

5. Người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 mà suy giảm khả năng lao động từ 5% đến dưới 81% thì được hưởng chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này. Người sử dụng lao động các cấp chịu trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục truy trả chế độ cho đối tượng theo quy định.

6. Đối với cơ quan, đơn vị thuộc khối dự toán nguồn kinh phí bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tính vào kinh phí thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị; quyết toán theo hướng dẫn của Cục Tài chính Bộ Quốc phòng; hạch toán vào Loại 460, Khoản 468, Mục 7250, Tiểu mục 7255, Tiết mục 00, Ngành 00 trong hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước áp dụng trong Quân đội.

Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập nguồn kinh phí bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Các đối tượng được bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Thông tư này vẫn được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (nếu có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) theo quy định hiện hành.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Chế độ bồi thường, trợ cấp hướng dẫn trong Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

2. Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường và trợ cấp đối với quân nhân, công chức, công nhân viên quốc phòng và lao động hợp đồng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới đó.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị) để được xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Thượng tướng Nguyễn Thành Cung

BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHỤ LỤC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 124/2015/TT-BQP
ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Số TT	Nội dung	Phụ lục
01	Danh mục 30 bệnh nghề nghiệp được bồi thường.	Phụ lục 1
02	Bảng tính mức bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp.	Phụ lục 2
03	Quyết định bồi thường (trợ cấp) tai nạn lao động.	Phụ lục 3
04	Quyết định bồi thường bệnh nghề nghiệp.	Phụ lục 4

Phụ lục 1
DANH MỤC 30 BỆNH NGHỀ NGHIỆP ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

Nhóm I: Các bệnh bụi phổi và phế quản

- 1.1. Bệnh bụi phổi - Silic nghề nghiệp;
- 1.2. Bệnh bụi phổi Atbet (Amiăng);
- 1.3. Bệnh bụi phổi bông;
- 1.4. Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp;
- 1.5. Bệnh hen phế quản nghề nghiệp;
- 1.6. Bệnh bụi phổi - Tacl nghề nghiệp;
- 1.7. Bệnh bụi phổi Than nghề nghiệp.

Nhóm II: Các bệnh nhiễm độc nghề nghiệp

- 2.1. Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất chì;
- 2.2. Bệnh nhiễm độc Benzen và các hợp chất đồng đẳng của Benzen;
- 2.3. Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất của thủy ngân;
- 2.4. Bệnh nhiễm độc mangan và các hợp chất của mangan;
- 2.5. Bệnh nhiễm độc TNT (trinitro toluen);
- 2.6. Bệnh nhiễm độc asen và các chất asen nghề nghiệp;
- 2.7. Nhiễm độc chất Nicotin nghề nghiệp;
- 2.8. Bệnh nhiễm độc hóa chất trừ sâu nghề nghiệp;
- 2.9. Bệnh nhiễm độc Cacbonmonoxit nghề nghiệp;
- 2.10. Bệnh nhiễm độc Cadimi nghề nghiệp.

Nhóm III: Các bệnh nghề nghiệp do yếu tố vật lý

- 3.1. Bệnh do quang tuyến X và các chất phóng xạ;
- 3.2. Bệnh điếc do tiếng ồn;
- 3.3. Bệnh rung chuyển nghề nghiệp;
- 3.4. Bệnh giảm áp mạn tính nghề nghiệp;
- 3.5. Bệnh nghề nghiệp do rung toàn thân.

Nhóm IV: Các bệnh da nghề nghiệp

- 4.1. Bệnh sạm da nghề nghiệp;
- 4.2. Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc;
- 4.3. Bệnh nốt dầu nghề nghiệp;
- 4.4. Bệnh loét da, viêm móng và xung quanh móng nghề nghiệp.

Nhóm V: Các bệnh nhiễm khuẩn nghề nghiệp

- 5.1. Bệnh lao nghề nghiệp;
- 5.2. Bệnh viêm gan vi rút nghề nghiệp;
- 5.3. Bệnh do xoắn khuẩn Leptospira nghề nghiệp;
- 5.4. Nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

Phụ lục 2
BẢNG TÍNH MỨC BỒI THƯỜNG, TRỢ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG
BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

STT	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng tiền lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng tiền lương)
1	Từ 5 đến 10	1,50	0,60
2	11	1,90	0,76
3	12	2,30	0,92
4	13	2,70	1,08
5	14	3,10	1,24
6	15	3,50	1,40
7	16	3,90	1,56
8	17	4,30	1,72
9	18	4,70	1,88
10	19	5,10	2,04
11	20	5,50	2,20
12	21	5,90	2,36
13	22	6,30	2,52
14	23	6,70	2,68
15	24	7,10	2,84
16	25	7,50	3,00
17	26	7,90	3,16
18	27	8,30	3,32
19	28	8,70	3,48
20	29	9,10	3,64
21	30	9,50	3,80
22	31	9,90	3,96
23	32	10,30	4,12
24	33	10,70	4,28
25	34	11,10	4,44
26	35	11,50	4,60
27	36	11,90	4,76
28	37	12,30	4,92
29	38	12,70	5,08

STT	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng tiền lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng tiền lương)
30	39	13,10	5,24
31	40	13,50	5,40
32	41	13,90	5,56
33	42	14,30	5,72
34	43	14,70	5,88
35	44	15,10	6,04
36	45	15,50	6,20
37	46	15,90	6,36
38	47	16,30	6,52
39	48	16,70	6,68
40	49	17,10	6,84
41	50	17,50	7,00
42	51	17,90	7,16
43	52	18,30	7,32
44	53	18,70	7,48
45	54	19,10	7,64
46	55	19,50	7,80
47	56	19,90	7,96
48	57	20,30	8,12
49	58	20,70	8,28
50	59	21,10	8,44
51	60	21,50	8,60
52	61	21,90	8,76
53	62	22,30	8,92
54	63	22,70	9,08
55	64	23,10	9,24
56	65	23,50	9,40
57	66	23,90	9,56
58	67	24,30	9,72
59	68	24,70	9,88
60	69	25,10	10,04
61	70	25,50	10,20

STT	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng tiền lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng tiền lương)
62	71	25,90	10,36
63	72	26,30	10,52
64	73	26,70	10,68
65	74	27,10	10,84
66	75	27,50	11,00
67	76	27,90	11,16
68	77	28,30	11,32
69	78	28,70	11,48
70	79	29,10	11,64
71	80	29,50	11,80
72	81 đến tử vong	30,00	12,00

Phụ lục 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-CS

....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Bồi thường (trợ cấp) tai nạn lao động

Căn cứ Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BQP ngày.../.../2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Căn cứ Biên bản điều tra tai nạn lao động số... ngày...../.../..... và Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động số..... ngày...../.../..... của Hội đồng Giám định Y khoa hoặc Biên bản xác định người lao động bị chết do tai nạn lao động của cơ quan Pháp y số... ngày... tháng... năm...;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí..... Sinh ngày
Cấp bậc, chức vụ.....
Nghề nghiệp.....
Cơ quan, đơn vị.....
Bị tai nạn lao động ngày
Mức suy giảm khả năng lao động..... %
Tổng số tiền bồi thường hoặc trợ cấp đồng.
(Số tiền bằng chữ)
Nơi nhận bồi thường hoặc trợ cấp

Điều 2......
và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cá nhân tại Điều 1;
- Cơ quan Chính sách;
- Cơ quan quản lý nhân sự;
- Cơ quan Tài chính;
- Lưu: VT.....;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-CS

....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Bồi thường bệnh nghề nghiệp

Căn cứ Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Căn cứ Thông tư số.../2015/TT-BQP ngày.../.../2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp, chi phí y tế đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Căn cứ hồ sơ bệnh nghề nghiệp và Biên bản giám định mức độ suy giảm khả năng lao động số..... ngày...../.../..... và Hội đồng giám định Y khoa hoặc Biên bản xác định người lao động bị chết do bệnh nghề nghiệp của cơ quan Pháp y số..... ngày...../.../.....

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí..... Sinh ngày
Cấp bậc, chức vụ.....
Nghề nghiệp.....
Cơ quan, đơn vị.....
Bị bệnh nghề nghiệp (nêu tên loại bệnh nghề nghiệp đã mắc phải):.....
Mức suy giảm khả năng lao động..... %
Tổng số tiền bồi thường..... đồng.
(Số tiền bằng chữ.....)
Nơi nhận bồi thường.....

Điều 2......
và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cá nhân tại Điều 1;
- Cơ quan Chính sách;
- Cơ quan quản lý nhân sự;
- Cơ quan Tài chính;
- Lưu: VT.....;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)